

ĐIỆN BIÊN PHỦ Cám Dỗ và Lo Ngại

Trần viết Ngọc

Chiến thắng Điện Biên Phủ kết thúc một quá trình lịch sử, không chỉ là 9 năm kháng chiến (1945-1954) mà gần một thế kỷ kể từ khi Pháp đổ quân xâm lược Đà Nẵng vào ngày 31-8-1858.

Có lẽ trước ngày 20-11-1953, ngày khởi đầu cuộc hành quân Castor đánh chiếm Điện Biên phủ của Pháp, không ai có thể nghĩ rằng cuộc đụng đầu Pháp - Việt khởi đi bằng Đà Nẵng, Gia Định, Chí Hoà, Vĩnh Long, Hà Nội, Huế... lại có thể kết thúc ở một địa điểm xa xôi ở vùng Tây Bắc, giáp biên giới Việt - Lào: **Điện Biên Phủ**.

Trận chiến Điện Biên Phủ chẳng những ở ngoài kế hoạch Navarre mà cũng không có trong kế hoạch Đông Xuân 1953-54 của Việt Nam. Vậy mà, trận quyết chiến chiến lược đã xảy ra ở đó như là dấu chấm hết chế độ thực dân Pháp ở Đông Dương và là hồi chuông báo tử của cả hệ thống đế quốc thực dân cũ trên thế giới.

Sự hình thành tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ có quá trình của nó. Trong quá trình đó, không thiếu những ý kiến tán đồng cũng như phản bác việc khai sinh ra nó. Và rồi khi nó đã hiện diện, cũng có lắm ý kiến bàn đi tính lại. Tự hào về nó, lo ngại về nó. Bản thân từng nhân vật cũng không phải nghĩ về nó một cách nhất quán mà có lúc này, lúc khác.

Trận chiến Điện Biên Phủ kết thúc lại là lúc nổ ra cuộc tranh luận. Người ta gọi nó là thành trì của vinh quang (Citadelle de la gloire - Lucien Borner) hay địa ngục, một góc địa ngục (L'enfer - Rénald Un coin de enfer. Bernard Fall), gọi nó là Verdun (Jauneaud, Kubiak Laniel, Operation Castor...Verdun 1954) hay Tấn thảm kịch (Le drame Indochinois, Catroux, Deux actes du drame indochinois...). Cho dù gọi là gì thì cuối cùng vẫn là câu hỏi: Tại sao? như Pierre Rocolle (Pourquoi Dien Bien Phu?), như Jean Gilles (Comment et pourquoi fut crée le camp Dien Bien Phu ?). Câu hỏi tại sao như muốn nêu ra một nghịch lý, muốn giải thích hay tranh cãi về một nghịch lý Điện Biên Phủ. Phải nêu ra một nghịch lý, muốn giải thích hay tranh cãi về một nghịch lý Điện Biên Phủ. Phải chăng, trước hết trong tư tưởng của Navarre và kể cả Salan trước đó, cả Cogny nữa, Điện Biên Phủ là một ổ khóa, một con nhím để bảo vệ xứ Lào ? Và sau đó, Điện Biên Phủ trở thành một đấu trường thách đố. Chính ở vị thế sau mà những kẻ góp phần hình thành ra nó không thể không cảm thấy sự căm dỗ của một chiến thắng quyết định mà nó có thể đem lại. Đồng thời, đã là đấu trường thách thức, người ta không khỏi lo ngại và nghi ngại về sự thành công và đôi khi tiên cảm về một thất bại thảm hại. Tất cả ý đồ về nó, suy nghĩ về nó, nhận định về nó, ngoài những yếu tố khách quan còn có những yếu tố chủ quan tùy thuộc vào góc độ, vai trò can dự và quyền lợi riêng của mỗi người can dự. Đúng như Jules Roy viết: Điện Biên Phủ không phải đã hình thành một cách ngẫu nhiên. Người ta đã suy nghĩ về nó. Bàn luận về nó. Người ta đã sử dụng

hàng tấn giấy đánh máy và hàng ký lô chất xám để cân nhắc lợi hại. Không phải mọi ý kiến đều giống nhau. Thậm chí người ta đã cãi nhau. (1)

Trước tình hình quân đội chủ lực của Việt Minh mỗi ngày một mạnh, Pháp buộc phải thay đổi chiến lược. Mùa hè 1953, quân đội VM đã có những đại đoàn chủ lực, trung đoàn chủ lực. Sau chiến thắng Biên Giới, hình thái tiến công trên từng hướng chiến lược đã xuất hiện và phát triển mạnh mẽ. Kê tiền nhiệm của Navarre là Salan buộc phải suy đoán hướng tiến công chiến lược của địch để tìm cách ngăn chặn VM mở rộng vùng giải phóng bằng những chốt chặn cứng gọi là tập đoàn cứ điểm hình thái con nhím. Con nhím mà có thể ở thể phòng ngự, ngăn chặn vừa có thể phát huy tác dụng khi đổi thể tấn công. Trước hỏa lực còn yếu của quân đội VM, tập đoàn cứ điểm mà Salan hình thành ở Nà Sản và Cánh đồng Chum đã tỏ ra có hiệu lực.

Phải chăng Nà Sản đã thay thế Điện Biên Phủ ?

Thật vậy, Navarre quyết định chiếm đóng Điện Biên Phủ là để đối phó với mối nguy mất Tây Bắc và Thượng Lào. Đó là cái khoá cửa bảo vệ Lào như Salan trước đây đã định thực hiện (2). Cogny, tư lệnh Bắc Kỳ, kẻ đã phản đối cuộc hành quân Castor, trước đó cũng đã gợi ý cho Navarre chiếm đóng Điện Biên Phủ.

“ Tôi [Navarre] không quên là ngày xưa anh [Cogny] vẫn đánh giá đúng vai trò hàng đầu của Điện Biên Phủ và ngay từ khi tôi mới nắm quyền Tổng tư lệnh cũng như nhiều lần sau đó, anh đã khuyên tôi chiếm Điện Biên Phủ thay cho Nà Sản và Lai Châu.

Vì thế, tôi càng ngạc nhiên không hiểu vì sao anh từng chờ đợi và mong muốn có trận Điện Biên Phủ mà anh lại không thúc đẩy tích cực hơn việc chuẩn bị và tiến hành trận đánh ấy. ”

(Thư số 1467 ngày 29-3-1954, gửi Cogny)

Chiếm đóng Điện Biên Phủ chỉ là đổi chỗ ổ khoá từ Lai Châu và Nà Sản về Điện Biên Phủ. Viễn tượng Luang Prabang bị uy hiếp là điều chính quốc khó có thể chấp nhận như thứ trưởng phụ trách “quan hệ với các Quốc gia Liên kết” (3) Marc Jacquet nhận định:

“ Nếu Việt Minh đến được Luang Prabang, thủ đô Lào, dư luận Pháp sẽ bị một cú sốc khiến chiến tranh không thể tiếp diễn được nữa ” (4)

Tuy nhiên, một cuộc hành quân Castor lại bị tư lệnh Bắc Kỳ Cogny và bộ tham mưu của ông phản đối. Trước hết là Cogny. Ông viết cho Navarre:

“Tôi tuyệt đối không tin giá trị của một cứ điểm để chặn một hướng tiến về Luang Prabang cách Điện Biên Phủ 200 km. Chúng ta có nguy cơ tái diễn một Nà Sản mới trong điều kiện tệ hại hơn.”

Cái tệ hại của Nà Sản mà Cogny nói ở đây là có thể bị giam chân một lực lượng cơ động chứ không phải là nguy cơ bị tấn công và tiêu diệt.

Để hỗ trợ cho ý kiến của mình, Cogny đã yêu cầu ban tham mưu tập hợp tất cả những ý kiến chống lại việc chiếm đóng Điện Biên Phủ để chuẩn bị thảo luận với Navarre. Đó là các ý kiến của tham mưu trưởng, đại tá Bastiani, tham mưu phó hành quân, trung tá Denep, trưởng phòng nhì: Thiếu tá Levain, trưởng phòng ba: thiếu tá Spangerberger và tham mưu phó phụ trách hậu cần: trung tá Multrier. Mỗi người lập một phiếu ý kiến riêng biệt (4-11-1953)(5).

Bastiani nhận định: “Tôi tin rằng dù muốn hay không Điện Biên Phủ cũng trở thành cái vực thăm ngón quân, không thể toả rộng phạm vi ảnh hưởng ngay khi nó chỉ bị một trung đoàn Việt Minh cầm chân. Ví dụ: Nà Sản”. Bastiani đã nói hộ điều mà Cogny không phát biểu thẳng: Điện Biên Phủ sẽ rút bớt quân cần cho nhiệm vụ bảo vệ đồng bằng của Cogny. Sự phản bác rõ ràng là phản ảnh lợi ích cục bộ như đoạn sau:

“ Trong lúc ngày càng hiện rõ nguy cơ chắc chắn đe dọa đồng bằng, ta sẽ giam chân cách Hà Nội 300 km theo đường chim bay một lực lượng tương đương với binh đoàn cơ động, tức là số quân chi viện ta mới nhận được và nhờ đó ta mới có ưu thế so với Việt Minh...”

Tham mưu phó hành quân, trung tá Denep, tính toán một cách cụ thể là chiếm đóng Điện Biên Phủ bắt buộc phải cần đến 9 tiểu đoàn. Sẽ phải chịu gánh nặng về phương tiện hoá lực không quân và các phương tiện khác, nhất là pháo. Multier cho rằng chiếm Điện Biên Phủ không gây trở ngại đáng kể cho Việt Minh, không thể cắt liên tục đường 41...

Rõ ràng là Cogny và bộ tham mưu của ông chỉ nêu ra những bất cập và khó khăn của Điện Biên Phủ, cứ điểm ngăn chặn, bảo vệ xứ Lào chứ không hề nghi ngờ đến khả năng tồn tại của Điện Biên Phủ và cũng không hề đề cập, cũng như phản bác, cái mà sau này người ta hy vọng và bị cám dỗ là Điện Biên Phủ sẽ trở thành một trận địa mà ở đó người ta nghiền nát lực lượng chủ lực của đại tướng Giáp và cũng không hề nêu cái nguy cơ Điện Biên Phủ có thể bị bao vây nhưng không thể bị đánh chiếm.

Sau đó một tuần, ngày 11-11-1953, đại tướng Nicot, chỉ huy không vận của lực lượng viễn chinh cũng chỉ nêu ra vấn đề tiếp tế bằng đường không cho Điện Biên Phủ. Ông cho rằng lực lượng không vận hiện có không thể bảo đảm việc tiếp tế thường xuyên cho Điện Biên Phủ.

Nỗ lực chống đối cuối cùng của cuộc hành quân Castor xảy ra trong buổi họp do chính Navarre tổ chức tại Hà Nội ngày 17-11-1953. Các tướng Masson, Dechaux và Gilles đều đồng lòng phản đối cuộc hành quân này, họ nêu những ý kiến phản bác về chiến thuật hoặc kỹ thuật...

Tuy nhiên, tướng Navarre vẫn giữ quyết định thực hiện cuộc hành quân Castor và đưa ra các lập luận sau:

- Về chiến lược : Bảo vệ Lào
- Về kinh tế : Nắm lấy nguồn gạo, nhất là trong lòng chảo Điện Biên Phủ” (6).

Ý kiến phản bác đều nghiêng về khía cạnh kỹ thuật như Dechaux phát biểu:

Khoảng cách 300 km làm cho tất cả điều kiện sử dụng không quân trở nên phức tạp và nghiêm trọng hơn, lãng phí trang bị và nhân lực, làm tăng nguy cơ về thời tiết, hạn chế hoạt động của bay tiêm kích.

Không ai từ chối thực hiện nhiệm vụ.

Câu hỏi cuối cùng của Navarre là: Có thể làm được không? không ai nói “không”.

Ngày 20-11-1953, cuộc hành quân Castor bắt đầu. Cứ điểm Điện Biên Phủ đã dần dần trở thành hiện thực với những cảm dỗ và lo ngại cũng tăng dần. Cứ điểm Điện Biên Phủ trong thời gian xây dựng đã dần dần xuất hiện như một mục tiêu thu hút lực lượng địch. Tin tình báo cho biết “sư đoàn 316 từ miền giáp ranh đồng bằng tiến lên phía Lai Châu, và tiếp theo sau khi đến lượt các sư đoàn 204, 208 và 312”. Đầu tháng 12-1953, Phòng Nhì xác minh “các sư đoàn chủ lực Việt Minh tiến lên Tây Bắc là có thực, hơn nữa một cánh quân lại có triệu chứng muốn tấn công Lai Châu” (7).

Còn mong muốn gì hơn ?

Từ lâu quân đội viễn chinh mắc kẹt trong một cuộc chiến tranh mà “kẻ địch không trông thấy được” như lời tướng Chassin (Tạp chí Quốc phòng, 12-1954), nay Điện Biên Phủ đã buộc kẻ địch phải xuất hiện đối mặt. Cũng ý đó, Robert Guillaumin viết:

“Đâu là đặc điểm của cuộc chiến tranh Đông Dương đã kéo dài hơn 7 năm nay? Đó là Việt Minh chưa bao giờ cho ta một mục tiêu để mà đánh. Khi ban đầu ta tưởng họ đã tập hợp lại và ta tấn công, đòn tấn công của ta luôn luôn đâm vào chỗ trống không: địch đã tan biến vào thiên nhiên.”

Vậy thì nay cụm cứ điểm bắt buộc Việt Minh phải giao chiến và đây là cơ hội để quân đội viễn chinh nghiền nát chủ lực địch vì căn cứ được phòng thủ kiên cố, có hỏa lực mạnh, có không quân tại căn cứ và ngoài căn cứ yểm trợ lúc phòng thủ cũng như lúc tấn công.

Điện Biên Phủ không phải là Nà Sản mà là “Nà Sản nhân lên gấp 10. Ta sẽ nghiền nát không phải một đại đoàn mà bốn đại đoàn kia.” De Castries được chọn là tư lệnh GONO (8) vì ông là một sĩ quan kỵ binh thiết giáp. Ông ta có thể thi thố sở trường của mình, “xe bọc thép có thể nghiền nát bất cứ ai dám héo lánh vào”.

Ông ta thoát tiên đã từ chối chức vụ đó vì nghĩ là Điện Biên Phủ chỉ là một chốt chặn như Nà Sản. Ông muốn Điện Biên Phủ phải là một căn cứ tấn công.

Nhà văn Graham Green kể lại hôm 5-1-1954 ông dùng bữa với Castries và Piroth - chỉ huy pháo binh Điện Biên Phủ - tại Điện Biên Phủ. Piroth nói về Nà Sản và Castries đã ngắt lời ông ta vừa đấm mạnh xuống bàn vừa la lên với một sự cuồng nhiệt:

- Ông im đi! Tôi không muốn nghe ai nhắc đến tiếng Nà Sản ở đây. Nà Sản là một cụm cứ điểm cố thủ. Còn chúng ta đang ở một căn cứ xuất phát tấn công !

Castries nói đúng một phần. Nà Sản hẹp, ở đó người ta cảm thấy bị nhốt như “một thành phố chuột chũi.” Dù Việt Minh đã không búng được Nà Sản nhưng, nói như tướng Gilles, đó là một cái tổ ong vô vẻ mà suýt chút nữa là Gilles không kịp thoát ra. Còn ở Điện Biên Phủ, các sườn núi gần nhất về phía Đông và phía Tây đều cách 5,6 cây số, phía Nam thì càng xa hơn nữa.

Cánh đồng Mường Thanh rộng lớn, cụm cứ điểm với hai sân bay, có một trục đường thủy là sông Nậm Rốm, một trục đường bộ là con đường đi Lai Châu, Tuần Giáo (Bắc - Đông Bắc) và Mường Khoa. Chính Cogny trước đó đã nghĩ là một mặt trận vừa công vừa thủ trong khu tam giác Lai Châu - Tuần Giáo - Điện Biên Phủ mà Điện Biên Phủ là cứ điểm chính. Và dù phản bác cuộc hành quân Castor, Cogny cũng thấy Điện Biên Phủ quả là hấp dẫn. Mười ngày sau sự kiện Green mô tả ở trên, chính Cogny chứ không ai khác tuyên bố với thông tấn United Press ở Hà Nội (15-1-1954)

“Tôi mong có một cuộc đụng độ ở Điện Biên Phủ. Tất nhiên, pháo Việt Minh có thể làm phiền chúng tôi một thời gian nhưng chúng tôi buộc nó câm họng. Bởi vì ông ta sẽ không thể đem lực lượng hùng hậu tiến sang Lào vì sợ gặp trở ngại sau lưng, Giáp buộc phải tấn công. Tôi sẽ làm tất cả để đánh bại ông ta và làm cho ông ta không còn muốn phiêu lưu vào địa hạt chiến lược lớn.” (9)

Sau này, khi sự việc đã rồi, Cogny giải thích rằng những lời tuyên bố đầy cảm hứng đó là để đánh lừa đối phương! Cả Castries cũng dùng cách thế biện hộ ấy. Thế thì, làm sao giải thích được việc Castries rải truyền đơn thách thức Việt Minh:

“Các anh còn chờ gì nữa mà không chịu tấn công nếu các anh không phải là một lũ hèn nhát? Chúng tôi đang chờ các anh đây”

Hay là:

“Chúng tôi đã sẵn sàng. Nếu các anh mạnh đến như thế, hãy dẫn xác tới đây.”

Sự căm dỗ về một chiến thắng mong đợi đã làm cho người ta lo sợ Việt Minh sẽ không đánh cụm cứ điểm và vui mừng khi được tin VM sẽ tấn công.

Ngày 20-1, Pháp bắt được một bức điện của VM, nhờ đó biết được thời điểm tấn công của VM sẽ là đêm 25 rạng ngày 26-1, và tin đó đã khiến “các sĩ quan hành quân ở Hà Nội và Sài Gòn mừng rỡ” Dejean cho biết cách cuộc tấn công của VM vài ngày, lo lắng chủ yếu của bộ tư lệnh Pháp ở Đông Dương vẫn là Việt Minh thôi không tấn công nữa.

Việc VM hoãn ngày tấn công cụm cứ điểm để chuyển từ phương thức đánh thắng nhanh sang đánh chắc tiến chắc đã gây ra một sự thất vọng lớn trong chỉ huy và binh sĩ.

Ngày 31-1, Robert Guillain, đặc phái viên báo Le Monde đã viết rằng mơ ước của Castries và toàn ban tham mưu của ông là làm sao cho “bọn Việt” xuống lòng chảo. “Nếu chúng chịu xuống lòng chảo thì chúng tôi nắm được chúng. Cuộc đụng độ có thể gay gắt, nhưng chúng tôi sẽ chặn được chúng. Và rốt cuộc chúng ta sẽ có được cái cho đến nay chúng tôi vẫn thiếu: đó là một mục tiêu tập trung để mà nện”. Binh lính thì nói với đặc phái viên Rene Mauric của Depêche du Midi: “Không biết bọn chúng làm cái quái quỷ gì? Bọn tôi đợi chúng mãi, chán lắm rồi. Cầu mong mau chấm dứt đi thôi.”

Thậm chí như Cognny, vào ngày 4-3, khi Navarre muốn tăng thêm một trung tâm đề kháng giữa Claudine và Isabelle và nghĩ rằng đối phương sẽ hoãn cuộc tấn công để điều chỉnh kế hoạch và mùa mưa đến, cuộc tấn công sẽ không xảy ra thì Cognny phản đối:

- Không được làm cho quân Việt từ bỏ quyết định của họ. Đối với tập đoàn cứ điểm, cuộc đụng độ này có triển vọng thắng lợi lớn ở thế phòng thủ. Nếu bọn Việt không tấn công, quân ta sẽ mất tinh thần ghê gớm.

Cognny đã chẳng còn bảo lưu ý kiến đã phát biểu trước ngày 20-11-1953.

Có thể nói chỉ một tiếng nói duy nhất, trong hàng ngũ các tướng lĩnh có trách nhiệm, không muốn có cuộc đụng đầu Điện Biên Phủ ngay khi nó được hình thành như là một cụm cứ điểm mạnh nhất, được tổ chức hoàn hảo nhất của quân đội Pháp từ trước đến 1954. Đó là tướng Fay, tham mưu trưởng không quân. Ngày 19-2-1954, tại Điện Biên Phủ, với sự có mặt của Pleven, bộ trưởng bộ quân lực, đại tướng Paul Ely, thứ trưởng De Sevigné, tướng Bodet, Blanc... tướng Fay đã phát biểu:

- Quan điểm của tôi là: Tôi khuyên tướng Navarre nên lợi dụng lúc cuộc chiến chưa nổ ra ở đây và khả năng sử dụng cả hai sân bay mà ông đang còn có thể để đưa ra khỏi nơi đây càng nhiều càng tốt, bởi ông ta đã thua rồi, không còn cái gì cứu vãn nổi. Tôi nói thế là hết.

Sau đó ở Sài Gòn, Fay gặp riêng Navarre:

- Cậu suy nghĩ đi, tôi sẵn sàng ở lại đây một tuần và chịu trách nhiệm cá nhân về cuộc hành quân. Tôi thề với cậu là chúng ta sẽ rút hết toàn bộ những gì rút được. Để ủng hộ cậu tôi sẽ dùng mọi phương tiện cần thiết.

Lời quyết đoán của Fay không được ai chia sẻ. Navarre đã nói với Fay trước mặt tướng Ely:

- Chúng tôi đã chọn Điện Biên Phủ với ý thức đầy đủ về các mặt tình hình và chúng tôi sẽ thắng trận chính tại đó.

Có lẽ dưới nhãn quan của một tướng không quân, Fay đã nhận ra tình hình Điện Biên Phủ bất lợi cho việc sử dụng cho việc thiết kế không quan trọng nhiệm vụ tiếp tế cho cụm cứ điểm trong việc sử dụng hỏa lực để yểm trợ bộ binh. Và Điện Biên Phủ quá xa đối với nơi xuất phát của không quân là phi trường Gia Lâm, Cát Bi hay từ hàng không mẫu hạm ở vịnh Bắc Việt khiến cho không quân không thể phát huy được lợi thế của nó.

Điều quan trọng là Điện Biên Phủ chỉ được tiếp tế và tiếp viện bằng đường hàng không. Những lời quyết đoán của tướng Fay dựa trên thực tế quan sát chiến trường và kinh nghiệm của binh chủng không quân. Đáng tiếc là ông không nói rõ hơn điều khẳng định của ông: Navarre sẽ thua cuộc. Navarre khi bảo rằng ông đã chọn Điện Biên Phủ với ý thức đầy đủ về các mặt tình hình và sẽ thắng ở Điện Biên Phủ, phải chăng ông đã có cơ sở? Rút ở Nà Sản để rồi thiết lập Điện Biên Phủ không ngừng bổ sung và tăng cường cho nó. Từ ngày 29-11, Navarre đã 4 lần lên kiểm tra và góp ý kiến về việc hoàn chỉnh tập đoàn cứ điểm. Tướng Mỹ O'Daniel (2.2) đã đến thị sát ở đó. Bộ Trưởng quân lực, các tướng lãnh cao cấp, các thứ trưởng và các tham mưu các binh chủng đều đã đến đó và dư luận Pháp cũng biết đến Điện Biên Phủ qua bài phóng sự trực tiếp. Không thể bảo là Navarre, Cogny, De Castries phán đoán chủ quan và thiếu cơ sở và khinh địch. Sau này Navarre thú nhận là đã đánh giá thấp khả năng của ta. Điều đó đúng. Không làm sao có thể đánh giá tinh thần của một dân tộc? Làm sao có thể đánh giá những gian lao khổ cực hy sinh mà bộ đội ta đã vượt qua trong thời gian chuẩn bị chiến trường và trong thời gian chiến đấu? Bởi sự nỗ lực và cả sự gian lao,, khổ cực đó là ở mức phi thường. Còn về khả năng và phương tiện vật chất, Pháp đã hoàn toàn không bị bất ngờ. Lật những trang tài liệu của Pháp, chúng ta phải thừa nhận rằng họ đã ước lượng khá chính xác về quân số, về trang bị vũ khí, về mức độ tiếp vận của chúng ta.

Một trong những yếu tố mà những tác giả viết về Điện Biên Phủ cho là bất ngờ đối với Pháp là pháo 105 ly của ta. Tư lệnh pháo binh chiến trường Điện Biên Phủ là Piroth đã phải tự tử. Ông ta tự tử vì bất ngờ về khả năng sử dụng pháo của ta, chứ không hề ước lượng sai về số pháo và cả số đạn mà ta có. Chính xác đến mức không ngờ là đằng khác.

Cho đến ngày 10-3-1954, 3 ngày trước khi đợt tấn công thứ nhất của ta bắt đầu, Pháp đã xác định lực lượng của ta gồm có:

“ Qua tư liệu của Việt Minh mà ta bắt được, có thể đoán là:
Có một kế hoạch cung cấp gạo cho 90000 người trong đó có 70000 người quanh Điện Biên Phủ.

Việt Minh sẽ tấn công trong đêm 13 rạng 14.

Lực lượng và phương tiện của tướng Giáp:

- 27 tiểu đoàn bộ binh
- 20 đại bác 105 y
- 18 khẩu 75
- 16 - 80 khẩu 37
- 100 súng phòng không 12,7 ly

Số đạn tối thiểu:

- 5000 đạn 75
- 15000 đạn 105
- 14000 đạn súng cao xạ 37
- 24000 đạn cối (trong đó có 3000 quả cối 120 ly)

200 tấn đạn sẽ đến từ 8 đến 15-3

Mức độ tiếp vận: 70 tấn/ ngày

Hậu cần chuyển lên mặt trận 2 tấn dược phẩm và nhiều băng ca.” (11)

Sự thật, về pháo, ta có và đã dùng trong trận Điện Biên Phủ:

- 24 khẩu 105 (địch ước lượng 20)
- 15000 đạn 105 (địch đoán chính xác)
- 5000 đạn 105 thu được do địch thả dù đã lọt qua trận địa ta.

Vậy tất cả số đạn 105 ta có là 20000 quả, chừng 500 tấn.

Piroth có:

- 24 khẩu 105 ly
- 4 khẩu 155 ly
- 16 súng cối 120 ly

Số đạn tiêu thụ chỉ riêng trong trận Him Lam: 6000 quả (150 tấn)

Tiêu thụ đạn: từ 14 đến 29-4 : 700 tấn

từ 30 và 31-3 : 500 tấn

Nếu pháo binh của ta lần đầu tiên xuất trận, được bắn “không tiếc đạn” như đối phương thì pháo của Piroth và cả không quân Pháp chẳng cần phải tìm cách dập pháo của ta làm gì, một lý do đơn giản là ta không còn đạn để bắn sau chừng hai ba ngày. (12)

Đọc những bài báo cáo mà Navarre tường trình tình hình về chính quốc, thỉnh thoảng ta có cảm tưởng là Navarre đã sớm cảm nhận sự thất bại ở cuối đường và Navarre đã nhận ra nguyên nhân chính của sự thất bại đó là tinh thần của quân đội Cụ Hồ và Navarre không chỉ phải đối đầu với các đại đoàn có mặt ở mặt trận Điện Biên Phủ mà Navarre phải đối đầu trên

tất cả các mặt trận phối hợp với khí thế của cả một dân tộc đang xúc tới quyết tâm giành lại độc lập.

Trong văn thư gửi Bộ trưởng phụ trách quan hệ với các Quốc gia liên kết, Navarre viết: “ Sự hỗ trợ tốt nhất mà người chiến sĩ Việt Minh nhận được là sự hỗ trợ của các nhà lãnh đạo chính trị. Họ đã thành công trong việc làm cho cả dân tộc tham gia chiến tranh. Tình hình chúng ta trái ngược đáng buồn với đối phương.” (13)

Người ta tưởng Navarre đã có thể tiếp cận được với một chân lý: cuộc chiến tranh phi nghĩa, thất nhân tâm mà báo chí Pháp đôi khi viết thẳng ra là cuộc chiến tranh bản thiêu (La sale guerre) tất yếu phải thất bại. Không, Navarre vẫn tin tưởng ở sức mạnh của vũ khí và tìm cách giải thích sự thất bại đó ở số vũ khí và phương tiện ít ỏi mà chúng ta lần đầu tiên đem ra dùng:

“ Cách đây hai tuần [trước 1-1-1954], tôi còn đánh giá là 100% chắc thắng. Thật vậy, Điện Biên Phủ là một vị trí phòng thủ rất mạnh, có một sân bay rất tốt, với khả năng có thể xây thêm nhiều sân bay khác trong mùa nắng.

Như vậy là ta chấp nhận chiến đấu trên mảnh đất do ta chọn và được chuẩn bị tốt nhất chống lại một kẻ địch có những phương tiện mà ta đã biết cho đến khoảng 15-12.

Nhưng, nay có nhiều phương tiện mới được đưa đến... Nếu những dụng cụ ấy quả thật có nhiều và nhất là nếu đối phương có thể đưa chúng vào hoạt động, tôi không còn có thể bảo đảm chắc chắn thắng lợi nữa.

...Do đó, tôi cho rằng quân số đã tập hợp ở Điện Biên Phủ là món “tiền đặt” [trong canh bạc] mà ta có thể cần phải chấp nhận để bảo vệ Thượng Lào và duy trì sự có mặt ở vùng cao. Món tiền đặt này có thể đem lại số tiền lời rất lớn nếu ta thắng trận Điện Biên Phủ (14). Nó có thể mất một lớn nếu ta thua trận này. Dù thế nào, Điện Biên Phủ cũng sẽ đóng một vai một nơi thu hút và kìm chân địch, cho phép tránh đánh lớn ở châu thổ. Mặc khác, tôi yêu cầu khẩn cấp tăng cường không quân vì, tôi xin nhắc lại, ta sẽ thắng hay thua là do không quân...”(13).

Điều cuối cùng mà chúng tôi muốn trình bày trong bài nghiên cứu nhỏ bé này là ý đồ chia cắt Việt Nam mà Navarre đã không trình bày trong kế hoạch Navarre và nó giải thích vì sao tiếp nhận chiến đấu ở Điện Biên Phủ, Navarre cũng không bỏ các cuộc hành quân khác và nó lại càng cho thấy tầm cao của chiếc lược Đông Xuân 53-54. Navarre chỉ giữ ở châu thổ một lực lượng tối thiểu cần thiết để phòng ngự, hạn chế bước tiến của ta ở Trung Lào và Bắc Trung Bộ và trong chừng mực có thể ở Thượng Lào và vùng cao. Cùng lúc Navarre tấn công ở Nam và trung Trung Bộ, cố chiếm đóng vùng liên khu 5.

Được như thế, Navarre sẽ có một bản đồ chiến tranh “hoàn toàn cân đối với tấm bản đồ Hồ Chí Minh có thể trưng ra, kể cả nếu ông ta toàn thắng ở các chiến dịch Thượng và Trung Lào.”

“ Thật vậy, hai tấm bản đồ chiến tranh, kẻ cả trong trường hợp xấu nhất, sẽ cho thấy một Đông Dương bị cắt đôi ngang vĩ tuyến 16,17 hay 18 tùy theo Việt Minh tiến sâu đến đâu. Chúng ta sẽ làm chủ phía Nam với vài lổm Việt Minh trong hậu phương ta, , Việt Minh sẽ làm chủ phía Bắc với trong vùng của họ, một lổm rất quan trọng ở châu thổ [Bắc Bộ], nơi ta có thể mạnh hơn họ.”

Thực tế lịch sử đã cho thấy, Navarre đã thất bại ở Điện Biên Phủ và ở khắp các mặt trận. Nhưng điều đáng tiếc là ý đồ vẽ lại bản đồ lên sỏi khi Navarre nhậm chức để đạt một bản đồ cân đối để rồi tiến tới chia cắt Đông Dương, chia cắt Việt Nam đã thất bại và hoàn toàn phá sản về mặt quân sự thì các thế lực chính trị quốc tế lúc bấy giờ đã thúc ép chúng ta phải chấp nhận các điều kiện tương tự qua hiệp định Geneve. Đó cũng là bài học lịch sử đau xót mà chúng ta đã tránh được khi tiến hành cuộc kháng chiến chống Mỹ và trong hội nghị Paris.

Chú thích:

- (1) Jules Roy - La Bataille de Dien Bien Phu. Bản dịch của Bùi Trân Phượng - Trận Điện Biên Phủ (bản thảo đánh máy) trang 38.
- (2) Chỉ cần phép tính đơn giản cũng thấy lực lượng cơ động chiến lược của Việt Minh, trong hiện tình về phương tiện vận chuyển của địch, không thể tiến xa căn cứ của họ hơn 150km hay 180 km trong một xứ sở quá nghèo để có thể sống bằng lương thực tại chỗ như ở vùng cao. (Một dân phu mang được tối đa 22kg và mỗi ngày đi được 20km và ăn hết 1kg lương thực. Bởi vì anh ta còn phải quay về, có thể tính anh ta cần 10kg lương thực, như giữ vững các vị trí đang chiếm đóng, có lẽ cần bổ sung hệ thống hiện nay bằng cách lập thêm cụm cứ điểm ở Điện Biên Phủ. Từ những ngày đầu tháng 1-1953, tôi đã ra lệnh chiếm lại vùng này vì lúc đó tôi đã thấy nhất thiết phải chiếm đóng nó mới đảm bảo an toàn cho Luang Prabang...

(Sài Gòn, ngày 25-5-1953 - Nghiên cứu của Phòng Nhì của Tổng tư lệnh Đông Dương... do tướng Salan gửi Bộ trưởng phụ trách quan hệ với các quốc gia liên kết).
Bình luận và tư liệu, trang 516 (ngày 28-5 Navarre mới nhận quyền Tổng tư lệnh ở Sài Gòn).

- (3) Từ để chỉ 3 nước Việt, Miên, Lào của Đông Dương thuộc Pháp cũ.
- (4) Jules Roy, tldd, trang 47
- (5) Xem phần Biên niên sự kiện, trong La Bataille de Điện Biên Phủ, tldd, ngày 4-11-1953. Jules Roy đã cho in nguyên văn các phiếu của Bastiani Denep, Multrier.
- (6) Bình luận và tư liệu, Jules Roy, tldd, trang 556-557. (Trang 65)
- (7) Dẫn lại của Đỗ Thiện - Đình Kim Khánh, Tiếng sấm Điện Biên Phủ; nxb QĐND, 1974 trang 93.
- (8) GONO: Groupement Operationel du Nord - Ouest (Binh đoàn tác chiến Tây Bắc).
- (9) Jules Roy, tldd, trang 173
- (10) Lê Mạnh Thái. Hồi cung tù binh Điện Biên, nxb Văn Nghệ TP. HCM, 1987, trang

- (11) Jules Roy, tldd, trang 257
- (12) Pháp có thể ước lượng đúng số đạn pháo 105 ly mà ta có song không ai có thể tưởng tượng được số đạn pháo đó từ đâu đến và vượt một chặng đường gian khổ đến đâu. Đ/c Nguyễn An cho biết:
- 11.715 viên lấy từ các kho quân khí ở hậu phương cách xa mặt trận từ 400 đến 700km là số lượng đạn tích lũy từ chiến dịch Biên Giới
 - 400 viên, chiến lợi phẩm của chiến thắng Bônaphao 1-1954, vượt qua đường dài 1.105 km qua đường 15, đường 41 để đến Điện Biên Phủ do địch thả dù ra ngoài mục tiêu.
 - Trung Quốc cung cấp 3.600 viên là cơ số đạn của 24 khẩu pháo - Mỗi cơ số là 150 viên/ khẩu
- (13) Văn thư Navarre gửi Tổng trưởng phụ trách quan hệ với các Quốc gia Liên kết của Navarre đề ngày 1-1-1954. Trích dẫn bởi Fules Roy - tldd, phần Bình luận và tư liệu, trang 601, 602, 603, 604.
- (14) “ Món tiền đặt trong canh bạc mà khi biết chắc sẽ thua, tay chơi Navarre và cả chính phủ Pháp lại muốn đi nhờ cậy một tay cao bồi sử dụng khẩu súng “Vautour” để cướp sòng bạc. Thật không sòng phẳng chút nào!